



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Original Article

Global Economy in 2024: Risks, Uncertainties, and Implications for Vietnam

Vu Thanh Huong, Nguyen Thi Thanh Mai, Nguyen Thi Vu Ha, Nguyen Lan Anh, Nguyen Thi Phuong Linh*, Pham Hoang Linh, Tran Huong Linh

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 30th September 2024

Revised 3rd March 2025; Accepted 23rd March 2025

Abstract: This article examines the global economic landscape in 2024, focusing on four key risk categories: geopolitical, economic, technological, and climatic. Geopolitically, 2024 is characterized by escalating international tensions and a dense election cycle. Economically, global growth is projected to decelerate to approximately 2.1%. Technological challenges primarily revolve around the management of artificial intelligence (AI), while climate concerns center on the El Nino phenomenon's potential to trigger extreme weather events. The study evaluates the impact of these dynamics on both the global economy and Vietnam, with particular emphasis on international trade and investment. Based on this analysis, the article identifies specific opportunities and challenges for Vietnam's economy in 2024. Finally, the research proposes several policy recommendations aimed at helping Vietnam effectively navigate risks and capitalize on opportunities during this volatile period. These proposals are designed to enhance the resilience and adaptability of Vietnam's economy in the face of global challenges.

Keywords: Global economy, Vietnam, uncertainty, risk.

* Corresponding author.

E-mail address: phuonglinhnt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4523>

Kinh tế thế giới năm 2024: Rủi ro, bất định và gợi mở cho Việt Nam

Vũ Thanh Hương, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Vũ Hà, Nguyễn Lan Anh,
Nguyễn Thị Phương Linh*, Phạm Hoàng Linh, Trần Hương Linh

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 30 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 03 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 03 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích tình hình kinh tế thế giới trong năm 2024, tập trung vào bốn nhóm rủi ro và bất ổn chính bao gồm địa chính trị, kinh tế, công nghệ và khí hậu. Về địa chính trị, năm 2024 chứng kiến sự gia tăng căng thẳng quốc tế và chu kỳ bầu cử dày đặc. Trong lĩnh vực kinh tế, tăng trưởng toàn cầu dự kiến chậm lại, chỉ đạt khoảng 2,1%. Rủi ro công nghệ tập trung vào thách thức trong quản lý trí tuệ nhân tạo (AI). Về khí hậu, hiện tượng El Nino dự báo sẽ gây ra các sự kiện thời tiết cực đoan. Nghiên cứu đánh giá tác động của những biến động này đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại và đầu tư quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết xác định các cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Cuối cùng, nghiên cứu đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm giúp Việt Nam ứng phó hiệu quả với những rủi ro và tận dụng tối đa các cơ hội trong giai đoạn đầy biến động. Các đề xuất này nhằm tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế Việt Nam trước những thách thức toàn cầu.

Từ khóa: Kinh tế thế giới, Việt Nam, bất định, rủi ro.

1. Giới thiệu

Năm 2024 chứng kiến một bức tranh kinh tế toàn cầu đầy thách thức và biến động. Mặc dù có những dấu hiệu phục hồi sau đại dịch COVID-19, nền kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro và bất ổn đáng kể. Bài viết tập trung phân tích bốn nhóm rủi ro và bất định của bối cảnh toàn cầu liên quan đến: địa chính trị, kinh tế, công nghệ và khí hậu, đồng thời đánh giá tác động của chúng đến triển vọng kinh tế toàn cầu và tại Việt Nam.

Cụ thể, trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng, với các cuộc xung đột kéo dài như cuộc chiến Nga-Ukraine và tình hình Trung Đông, cùng với "siêu chu kỳ bầu cử" trên toàn cầu, đặc biệt là cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, kinh tế thế

giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại, chỉ đạt khoảng 2,1% trong năm 2024, trong khi nợ toàn cầu tăng lên mức kỷ lục và lãi suất ở các nền kinh tế lớn duy trì ở mức cao. Đồng thời, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, đặt ra những thách thức mới trong quản lý và điều tiết, với khoảng cách ngày càng lớn giữa tốc độ phát triển công nghệ và khả năng quản lý của chính phủ.

Đối với Việt Nam, những biến động này mang lại cả cơ hội và thách thức. Mặc dù được dự báo là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất toàn cầu, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức từ sự suy giảm nhu cầu toàn cầu, chi phí nguyên liệu tăng cao và sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Bài viết sẽ phân

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: phuonglinhnt@vnu.edu.vn

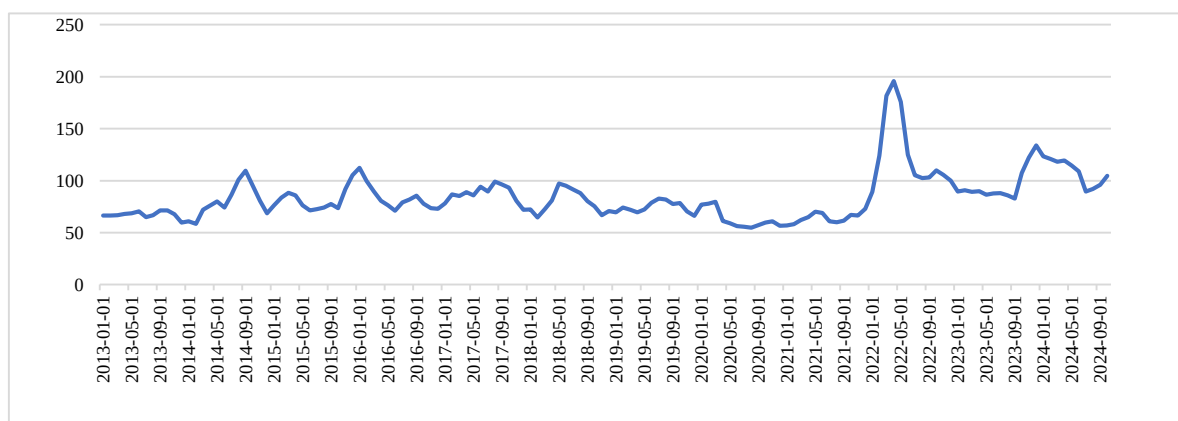
<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4523>

tích sâu về tác động của bối cảnh kinh tế toàn cầu đến Việt Nam. Đồng thời, đề xuất các gợi ý chính sách nhằm giúp quốc gia ứng phó hiệu quả với những rủi ro và tận dụng tối đa các cơ hội trong giai đoạn đầy biến động này, bao gồm việc điều chỉnh chiến lược phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng cơ hội từ dòng vốn đầu tư nước ngoài.

2. Các rủi ro và bất định của bối cảnh toàn cầu

Rủi ro địa chính trị

Dự báo năm 2024 sẽ chứng kiến những biến động địa chính trị sâu rộng trên toàn cầu. Trong năm 2024, chỉ số rủi ro địa chính trị (GPR) đã gia tăng đáng kể, phản ánh sự leo thang căng thẳng quân sự, cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc và khối lượng bầu cử dày đặc trên toàn thế giới (Lazard, 2024).



Hình 1. Chỉ số rủi ro địa chính trị (GPR), cập nhật tới tháng 9/2024.

Nguồn: Caldara & Iacoviello (2024).

Thêm vào đó, tình hình Trung Đông, đặc biệt là căng thẳng giữa Israel và Hamas, có khả năng đẩy giá dầu lên cao và gây rối loạn chuỗi cung ứng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Cuộc xung đột Nga-Ukraine tiếp tục gia tăng, tạo ra tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực như năng lượng, chuỗi cung ứng và thị trường tài chính, đồng thời làm gia tăng tác động của các biện pháp trừng phạt kinh tế.

Năm 2024 được gọi là "siêu chu kỳ bầu cử", với khoảng 76 quốc gia tổ chức bầu cử (Lazard, 2024), điều này có thể dẫn đến những biến động chính trị và kinh tế đáng kể. Trong bối cảnh này, cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ có khả năng tác động lớn nhất đến triển vọng chính trị và kinh tế toàn cầu, khi hai ứng cử viên của Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ thể hiện những quan điểm chính sách đối ngoại rất khác nhau, đặc biệt là liên quan đến các vấn đề như Ukraine, mối quan hệ xuyên Đại

Tây Dương và thương mại toàn cầu, tuy nhiên điểm chung giữa họ là thái độ cứng rắn đối với Trung Quốc. Vì vậy, dù ứng cử viên của đảng nào trở thành tổng thống tiếp theo của Mỹ, cạnh tranh địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc dự kiến sẽ ngày càng khó khăn và quyết liệt hơn. Đồng thời, Trung Quốc, trong kỳ họp Lưỡng hội Trung Quốc đầu năm 2024 đã đưa ra nhiều quyết sách quan trọng về kinh tế, chính trị và nhân sự, ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Trung. Tổng Bí thư Tập Cận Bình nhấn mạnh vào "sự hợp nhất hòa bình" với Đài Loan, quân sự hóa, phát triển công nghệ tiên tiến, và thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách nới lỏng các hạn chế trong lĩnh vực dịch vụ và sản xuất.

Rủi ro kinh tế

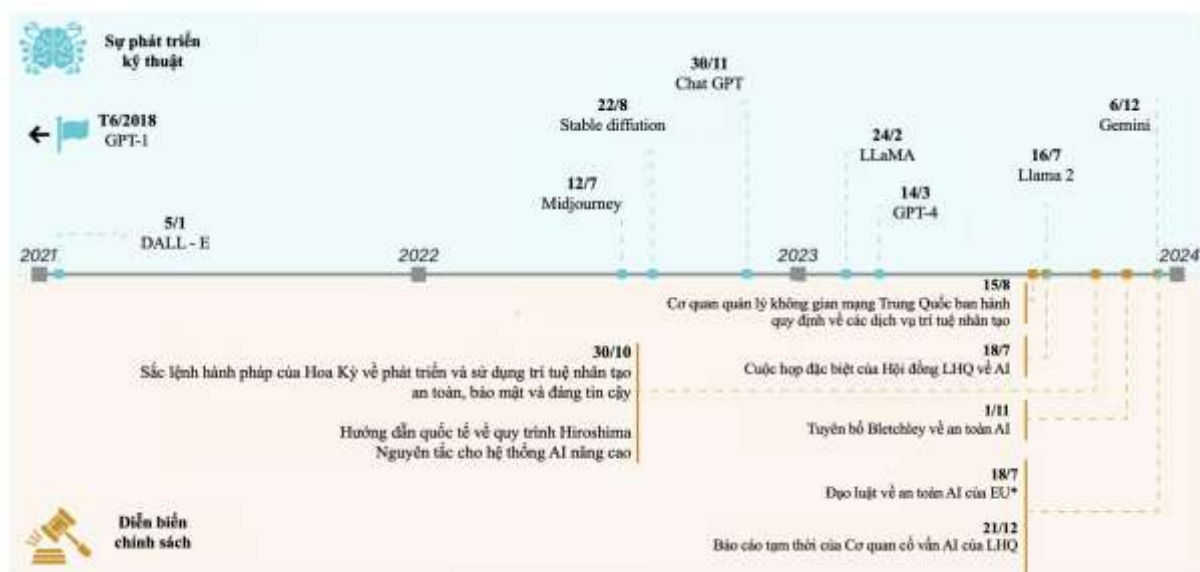
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục chậm lại trong năm 2024, chỉ đạt khoảng 2,1%, thấp hơn so với mức 2,4% của năm 2023¹.

¹ <https://finance.yahoo.com/news/global-macroeconomic-outlook-report-q1-034500610.html>

Sự chậm lại này chủ yếu do tác động của chính sách lãi suất cao tại các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc. Mặc dù vậy, sự phục hồi mạnh mẽ hơn dự báo từ nền kinh tế Hoa Kỳ và các nền kinh tế mới nổi dự kiến sẽ giúp tăng trưởng toàn cầu đạt 3.1% vào năm 2024². Nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với một giai đoạn tăng trưởng chậm kéo dài, do bị ảnh hưởng bởi các yếu tố cơ cấu như dân số già đi nhanh chóng, mức nợ cao, khủng hoảng bất động sản và việc chậm trễ trong cải cách. Sự suy giảm này có thể tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là những quốc gia và ngành công nghiệp phụ thuộc vào thị trường cũng như chuỗi cung ứng của Trung Quốc trong năm 2024. Không chỉ vậy, chính sách thương mại và giá cả của Trung Quốc sẽ quyết định mức độ căng thẳng thương mại toàn cầu, với khả năng gia tăng các biện pháp bảo hộ

và biến động thị trường nếu có phản ứng từ các đối tác thương mại.

Một rủi ro về kinh tế khác nổi lên trong ảnh hưởng đến kinh tế thế giới trong năm 2024, đó là nợ toàn cầu đã tăng đến mức kỷ lục, trong khi lãi suất đồng USD và EUR đạt mức cao nhất trong hơn hai thập kỷ. Giá vàng cũng đang ở mức kỷ lục, phản ánh sự bất ổn trên thị trường tài chính. Sự trái ngược trong chính sách tiền tệ giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc và Nhật Bản, cùng với sự leo thang của xung đột địa chính trị, đang làm gia tăng yếu tố bất định. Những yếu tố này không chỉ cản trở nỗ lực chống lạm phát ở Mỹ và châu Âu mà còn làm chậm quá trình chuyển sang chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ mà thị trường kỳ vọng trong năm 2024, làm gia tăng áp lực lên thị trường tiền tệ và tăng cường cạnh tranh trên thị trường vốn của các nền kinh tế mới nổi, bao gồm cả Việt Nam.



Hình 2. Những đột phá về mặt công nghệ đang nhanh chóng hơn nỗ lực quản lý của Chính phủ.

Nguồn: Eurasia Group (2024).

Rủi ro công nghệ

Năm 2024, sự quản lý trí tuệ nhân tạo (AI) gặp phải nhiều thách thức đáng kể do khoảng trống trong quy định và sự phát triển nhanh

chóng của công nghệ này. Đường như các nỗ lực quản lý chưa đủ mạnh trong khi các mô hình AI tiên tiến đang phát triển vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của chính phủ (Bremmer và Kupchan,

²<https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2024/01/30/world-economic-outlook-update-january-2024>

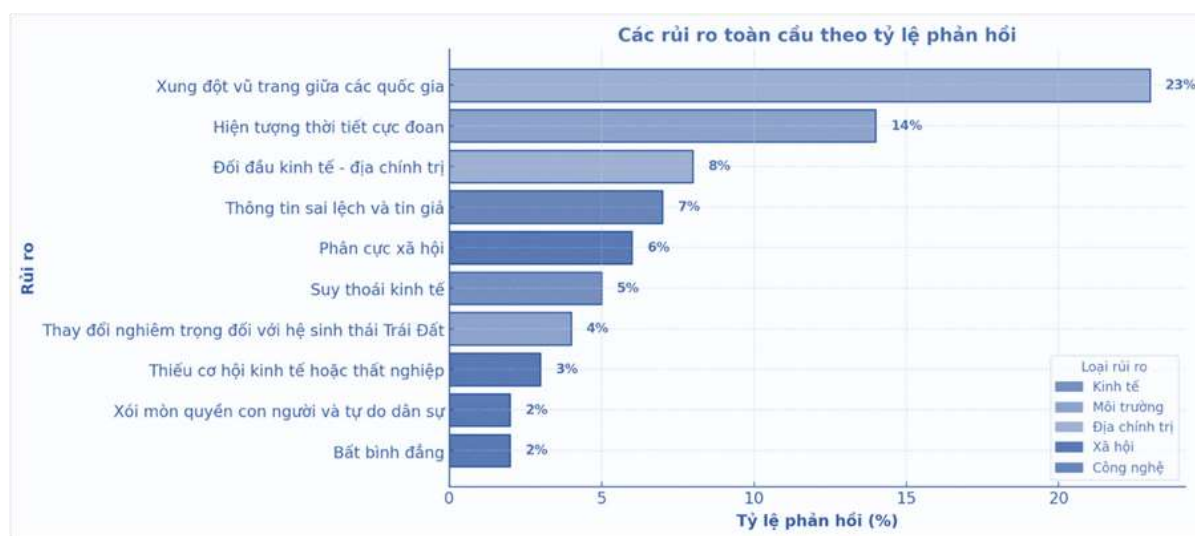
2024). Năm 2023 và đầu năm 2024, thế giới đã chứng kiến một loạt các sáng kiến AI đầy tham vọng (Hình 2), cùng với đó là các thông báo chính sách và tiêu chuẩn mới được đề xuất từ các chính phủ. Dù vậy, tốc độ và hiệu quả của các quy định này có thể sẽ không theo kịp với tốc độ phát triển của công nghệ (WEF, 2024).

Các vấn đề chính trong quản lý AI bao gồm sự thiếu đồng thuận chính trị, trì trệ từ phía chính phủ và sự ưu tiên lợi ích thương mại của các công ty công nghệ (Bremmer và Kupchan, 2024). Sự phát triển nhanh chóng của AI, với khả năng cải thiện liên tục, khiến việc quản lý trở nên khó khăn và chưa hiệu quả. Theo Bremmer và Kupchan (2024) và WEF (2024), điều này dẫn đến hai rủi ro đáng chú ý cho năm 2024 là: i) Thông tin sai lệch do AI tạo ra có thể ảnh hưởng đến các cuộc bầu cử và làm suy yếu niềm tin chính trị; và ii) Sự mở rộng nhanh chóng của AI đến nhiều quốc gia và lĩnh vực, làm gia tăng

nguy cơ về an ninh và rủi ro toàn cầu. Nếu không được quản lý hiệu quả, AI có thể dẫn đến khủng hoảng hệ thống nghiêm trọng trong tương lai.

Rủi ro khí hậu

Hiện tượng El Nino mạnh mẽ, sau bốn năm vắng bóng, dự kiến sẽ đạt đỉnh trong năm 2024, gây ra các sự kiện thời tiết cực đoan với ảnh hưởng rộng lớn. El Nino làm tăng tần suất và cường độ của sóng nhiệt, hạn hán và bão lụt do nhiệt độ toàn cầu gia tăng. Năm 2024 có thể thiết lập kỷ lục nhiệt độ mới nhờ sự kết hợp của El Nino và biến đổi khí hậu. Các khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, Mỹ Latinh và miền Nam châu Phi sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, với hạn hán kéo dài, nhiệt độ cao kỷ lục và nguy cơ cháy rừng gia tăng. Không chỉ vậy, El Nino cũng sẽ làm tăng giá thực phẩm, đe dọa an ninh lương thực, gây căng thẳng về nguồn nước, và tăng nguy cơ thảm họa tự nhiên như bão, lũ lụt và bệnh truyền nhiễm.



Hình 3. Các rủi ro toàn cầu theo tỷ lệ phản hồi năm 2025 trong điều tra của WEF.

Nguồn: WEF (2025).

Sự phân mảnh toàn cầu

Sự phân mảnh toàn cầu ngày càng gia tăng, dẫn đến sự tách biệt giữa các quốc gia trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và chính trị, làm suy yếu hợp tác đa phương. Sự phân mảnh kinh tế thể hiện qua các chính sách thương mại mâu thuẫn và gia tăng bảo

hộ, làm giảm thương mại hàng hóa và dịch vụ. Ví dụ, thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc suy giảm kể từ chiến tranh thương mại 2018, trong khi tỷ trọng nhập khẩu dịch vụ ICT của Mỹ từ Bắc Mỹ (chủ yếu là Canada) tăng, từ 15,7% vào năm 2018 lên 23,0% vào năm 2023, còn từ châu Á (chủ yếu là Ấn Độ) giảm, từ 45,1% xuống

32,6%. Sự phân mảnh này làm tăng chi phí giao dịch, hạn chế tiếp cận thị trường và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng toàn cầu, đồng thời yêu cầu cân nhắc thêm yếu tố chính trị và liên minh trong các quyết định kinh tế.

3. Tình hình kinh tế thế giới năm 2024

Tổng quan các chỉ số kinh tế vĩ mô
Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 dự báo sẽ giảm so với năm 2023, với mức tăng trưởng ước tính dao động từ 2,4% đến 3,4% (Bảng 1). Sự giảm sút này có thể đến từ một số

chính sách như chính sách tiền tệ thắt chặt, điều kiện tín dụng hạn chế, thương mại và đầu tư toàn cầu yếu, nhu cầu tiêu dùng yếu và nợ cao ở một số khu vực.

Kinh tế Mỹ dự báo sẽ phục hồi đáng kể, trong khi châu Âu và các nền kinh tế mới nổi có thể đối mặt với thách thức nhưng có khả năng ổn định trở lại vào cuối năm 2024. Mặc dù bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2024 dự báo sẽ ảm đạm hơn so với những năm trước đó, tuy nhiên, kinh tế dự kiến sẽ dần ổn định trở lại vào nửa cuối năm 2024. Hợp tác quốc tế và các chính sách kinh tế hiệu quả được cho là chìa khóa để duy trì tăng trưởng kinh tế trong những năm tới.

Bảng 1. Ước tính tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu (%) năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 của các tổ chức quốc tế

Tên tổ chức	Ước tính năm 2023	Dự báo năm 2024
Liên Hợp Quốc (tháng 01/2024)	2,7	2,4
Ngân hàng Thế giới (tháng 01/2024)	2,6	2,4
OECD (tháng 02/2024)	3,1	2,9
Euromonitor International (tháng 02/2024)	3,0	2,7
IMF (tháng 01/2024)	3,1	3,1
ECB (tháng 02/2024)	3,5 (không kể khu vực đồng Euro)	3,4 (không kể khu vực đồng Euro)
EIU (tháng 02/2024)	2,5	2,4

Nguồn: OECD, IMF, WB, ECB, Euromonitor International và UN, 2024.

Lạm phát toàn cầu sẽ giảm trong năm 2024 nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn so với mục tiêu đặt ra tại nhiều nền kinh tế. Theo các tổ chức quốc tế, lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ khoảng 5,4% đến 3,9% trong năm 2024, với sự giảm nhẹ nhờ vào sự cải thiện trong hoạt động của chuỗi cung ứng và giá năng lượng giảm. Cụ thể, WB dự báo lạm phát toàn cầu sẽ ở mức 3,7% trong năm 2024. IMF dự báo lạm phát toàn cầu sẽ giảm từ 6,8% (2023) xuống 5,8% (2024). LHQ dự báo lạm phát toàn cầu sẽ giảm xuống 3,9% vào năm 2024. Euromonitor International dự báo lạm phát toàn cầu giảm nhẹ xuống 5,4% trong năm 2024. ECB dự báo lạm phát toàn cầu (không kể khu vực đồng Euro) sẽ giảm từ 4,9% (2023) xuống 4,1% (2024) và tiếp tục giảm xuống 3,2% vào năm 2025 và 2,8% vào năm 2026. Tuy nhiên, sự tăng giá lương thực, căng thẳng địa chính trị và chính sách tiền tệ thắt chặt

vẫn là những rủi ro tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến triển vọng lạm phát và gây ra mất an ninh lương thực tại các quốc gia đang phát triển.

Thị trường lao động toàn cầu phục hồi chưa đồng đều, với tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2024 giảm xuống còn 5,1%. Trong khi các nền kinh tế phát triển có tỷ lệ thất nghiệp phục hồi trở lại gần mức trước đại dịch Covid-19, các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là khu vực Tây Á và Châu Phi, vẫn đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao, mức lương danh nghĩa tăng, nhưng không theo kịp sự gia tăng của tỷ lệ lạm phát, dẫn đến thu nhập thực tế giảm và tăng số người lao động sống trong cảnh nghèo cùng cực. Tỷ lệ việc làm phi chính thức vẫn cao, với khoảng 2 tỷ người lao động chiếm 58% lực lượng lao động toàn cầu và tình trạng làm việc trong môi trường không đảm bảo có chiều hướng gia tăng. Năng suất lao động tăng trưởng chậm, không bắt kịp với tiến

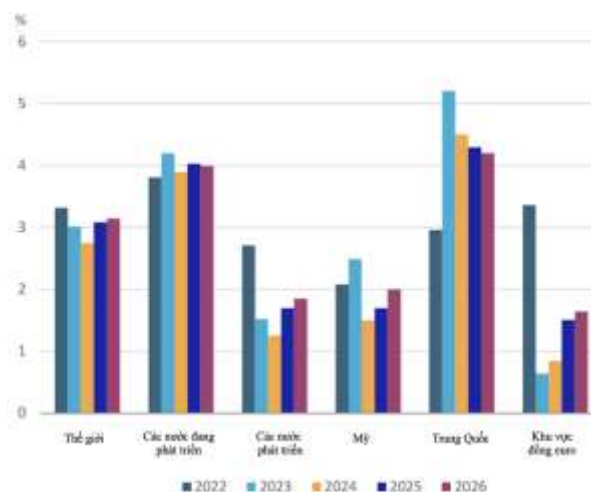
bộ về công nghệ, tạo thách thức lớn tới các nhà tuyển dụng. Triển vọng thị trường lao động cho năm 2024 dự báo tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu sẽ tăng nhẹ lên 5,2%, với tỷ lệ lao động phi chính thức chỉ giảm nhẹ, phản ánh sự phục hồi chưa đồng đều và tồn tại nhiều vấn đề trong việc cải thiện chất lượng việc làm và điều kiện lao động.

Báo cáo tóm tắt Tình hình Kinh tế Thế giới và triển vọng, cho thấy chính sách tiền tệ toàn cầu ngày càng phân hóa. Trong khi nhiều ngân hàng trung ương duy trì lãi suất cao để kiểm soát lạm phát, một số ngân hàng tư nhân bắt đầu có xu hướng nới lỏng. Các ngân hàng trung ương lớn tiếp tục thắt chặt định lượng, gây lo ngại về ổn định tài chính. Các nước đang phát triển gặp khó khăn với chi phí vay mượn cao và nợ lớn, ảnh hưởng đến khả năng tài chính và tăng trưởng. Năm 2024, việc phối hợp chính sách tiền tệ quốc tế và cải thiện truyền thông sẽ cần thiết để giảm tác động tiêu cực và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế của Euromonitor International, sự phân hóa giữa các nền kinh tế phát triển và mới nổi tiếp tục gia tăng trong năm 2024. Nền kinh tế phát triển dự kiến tăng trưởng GDP thực tế 1,3% trong năm 2024, trong khi các nền kinh tế mới nổi sẽ đạt

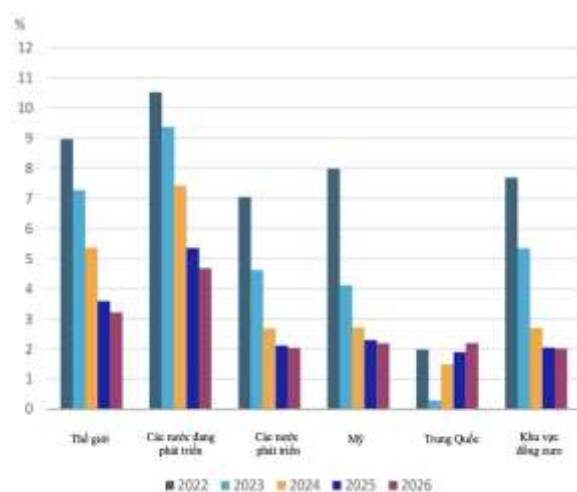
3,9%. Các nền kinh tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á, dẫn đầu về tăng trưởng toàn cầu. Ngược lại, Trung Quốc dự kiến giảm tốc đáng kể, với mức tăng trưởng GDP 4,5% trong năm 2024. Khu vực Eurozone vẫn yếu kém, với mức tăng trưởng chỉ 0,8% trong năm 2024, do lạm phát cao và chính sách tiền tệ thắt chặt. Trong khi đó, sự phân mảnh toàn cầu và căng thẳng địa chính trị có thể làm gia tăng chi phí thương mại và giảm khả năng tiếp cận thị trường, tác động tiêu cực đến tăng trưởng toàn cầu. Kịch bản phân mảnh toàn cầu có thể dẫn đến tăng trưởng GDP thực tế toàn cầu giảm xuống 2,4% trong năm 2024 và 2,1% trong năm 2025.

Diễn biến kinh tế vĩ mô trong năm 2024 dự đoán diễn ra với sự chậm lại của hoạt động kinh tế và nỗ lực giảm áp lực lạm phát trong bối cảnh lãi suất cao. Dự kiến, các ngân hàng trung ương bắt đầu cắt giảm lãi suất vào giữa năm 2024, với tốc độ chậm và cần thời gian để đạt mức lãi suất trung lập. Tăng trưởng kinh tế năm 2024 được kỳ vọng sẽ cao hơn nhờ sự điều chỉnh tích cực tại Mỹ và Ấn Độ, giả định rằng nhu cầu lao động vẫn mạnh. Tuy nhiên, các yếu tố địa chính trị và các cuộc bầu cử sắp tới có thể tạo ra rủi ro cho tăng trưởng toàn cầu.



Hình 4. Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu 2022 – 2026.

Nguồn: Euromonitor International Macro Model.



Hình 5. Dự báo lạm phát giá tiêu dùng toàn cầu 2022 – 2026.

Nguồn: Euromonitor International Macro Model.

Tình hình thương mại thế giới

Sau một năm 2023 đầy thách thức, thương mại thế giới đã phục hồi với mức tăng 3,3% so với năm trước, đạt kỷ lục 33 tỷ USD (WEF, 2025). Mặc dù trong năm 2024, xu hướng thương mại toàn cầu có những giai đoạn khó dự đoán (đặc biệt trong quý I và quý II), và thậm chí có dấu hiệu chững lại vào quý III, tuy nhiên xu hướng tăng trưởng tổng thể vẫn được duy trì. Về thương mại hàng hóa, năm 2024 ghi nhận mức tăng 2%, chậm hơn so với tốc độ tăng của năm 2022. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa toàn cầu đã giảm so với năm 2023. Trong năm 2024, sau giai đoạn phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19, thương mại dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng chậm lại, đạt khoảng 7% so với năm 2023.

Thương mại của các quốc gia lớn đang có xu hướng ổn định và hồi phục nhẹ. Tại Mỹ, cả xuất khẩu và nhập khẩu năm 2024 đều tăng với mức tăng trưởng so với năm 2023. Tại Đức, nền kinh tế xuất khẩu hàng đầu của EU, năm 2024 ghi nhận sự sụt giảm trong hoạt động thương mại so với năm 2023, với xuất khẩu giảm 1,3% và nhập khẩu giảm 3%. Tại Mexico, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt kỷ lục trong năm 2024 với mức 617 tỷ USD, tăng 4,1% so với năm 2023 (INEGI, 2025). Tại Việt Nam, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 đạt mức kỷ lục 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023, trong đó xuất khẩu tăng 14,3% và nhập khẩu tăng 16,7%.

Thương mại hàng hóa tăng trưởng trở lại.

Nhóm hàng ô tô, đặc biệt là xe điện, tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu, dù tốc độ tăng trưởng đã chậm lại từ cuối năm 2023. Thương mại xe điện toàn cầu tăng khoảng 3% trong năm 2024, với sự gia tăng đáng kể ở thị trường châu Âu và Bắc Mỹ, mặc dù Trung Quốc chứng kiến sự giảm sút do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Các rào cản thương mại và sự ổn định của giá xe điện cũng ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của mặt hàng này. *Nói tiếp đà phục hồi từ cuối năm 2023, thương mại dịch vụ thế giới có tín hiệu tăng trưởng tốt.* Về dịch vụ du lịch phục hồi tốt với sự gia tăng số lượt khách quốc tế đến các quốc gia như Mexico, Úc, Dubai, Hoa Kỳ và Tây Ban Nha. Dịch vụ vận tải hàng hóa ghi nhận sự tăng trưởng trong vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không, trong khi vận tải biển chịu ảnh hưởng từ tình hình căng thẳng địa chính trị và tắc nghẽn tại kênh Panama, dẫn đến giá cước vận chuyển tăng cao. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo đã trấn an về ảnh hưởng tiêu cực của xu hướng phân mảnh và tái cấu trúc chuỗi giá trị, cho thấy sự ổn định và khả năng tăng trưởng bền vững của thương mại toàn cầu sau giai đoạn khủng hoảng. Mặc dù vậy, cần lưu ý rằng những sự kiện bất ngờ, như căng thẳng tại Đông Âu, có thể làm tăng sự không chắc chắn trong thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, khả năng thích ứng của các chính phủ và doanh nghiệp có thể giúp thương mại vượt qua khó khăn trong tương lai.



Hình 6. Tỷ trọng ngành được đề xuất cho thị trường Mỹ.
Nguồn: RBC Global Asset Management, 2024.

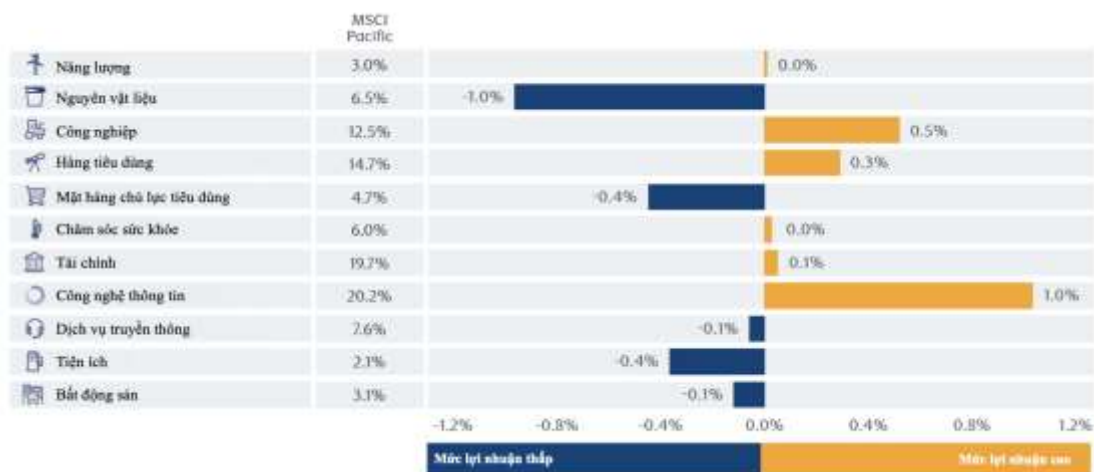
Tình hình đầu tư thế giới

Thị trường đầu tư tài chính toàn cầu trong năm 2024 có dấu hiệu phục hồi đồng thời vẫn tồn tại các rủi ro cần được theo dõi kỹ lưỡng. Đầu tư tài chính năm 2024 cho thấy sự phục hồi đồng thời với những thách thức từ rủi ro lạm phát, bong bóng đầu tư và các bất ổn kinh tế – chính trị. Sự phân hóa giữa các khu vực thị trường được thể hiện rõ qua những chỉ số tăng trưởng khác nhau, đồng thời phản ánh niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển của các ngành công nghệ cao và chuyển đổi số. Các báo cáo từ

RBC Global Asset Management đã cung cấp góc nhìn chi tiết về tỷ trọng ngành và triển vọng của từng khu vực, giúp định hướng chiến lược đầu tư trong bối cảnh thị trường toàn cầu ngày càng phức tạp. Chứng khoán Mỹ đạt đỉnh cao mới, với sự tăng trưởng mạnh mẽ trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp và chăm sóc sức khỏe, trong khi các lĩnh vực truyền thống ghi nhận sự suy giảm (Hình 6). Tại Châu Âu và Châu Á, thị trường chứng khoán cũng thể hiện sự hồi phục, mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô vẫn còn thách thức (Hình 7, 8).



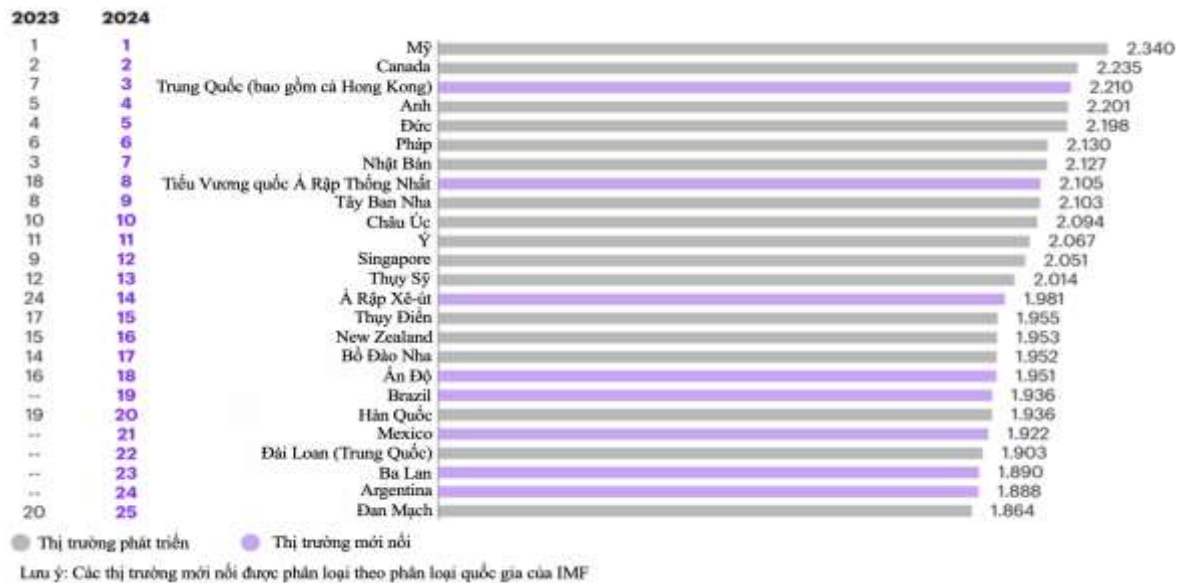
Hình 7. Tỷ trọng ngành được đề xuất cho thị trường Châu Âu
Nguồn: RBC Global Asset Management, 2024.



Hình 8. Tỷ trọng ngành được đề xuất cho thị trường Châu Á.
Nguồn: RBC Global Asset Management, 2024.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, Mỹ tiếp tục dẫn đầu về thu hút đầu tư, nhờ vào sự tăng trưởng GDP cao hơn dự kiến và khả năng đổi mới công nghệ. Trung Quốc đã nâng hạng lên vị trí thứ ba trong chỉ số niềm tin FDI toàn cầu, nhờ các chính sách hỗ trợ đầu tư và cải cách kiểm soát vốn. Ngược lại, Liên minh Châu Âu dự kiến sẽ thất

chật các quy định về FDI, điều này có thể làm giảm sức hấp dẫn của thị trường EU đối với nhà đầu tư nước ngoài. Hàn Quốc và Nga cũng có những động thái quan trọng khi Hàn Quốc tăng cường thu hút FDI nhờ cải cách quy định, trong khi Nga siết chặt kiểm soát đầu tư nước ngoài trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị.



Hình 9. Chỉ số niềm tin FDI toàn cầu³.

Nguồn: Kearney, 2024.

Dự báo lạm phát và lãi suất toàn cầu giảm sẽ làm giảm chi phí vốn, tạo điều kiện cho các công ty đa quốc gia chuyển hướng đầu tư sang các nền kinh tế đang phát triển. Các khu vực giàu tài nguyên như Châu Phi và Trung Đông, cùng với sự phục hồi dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc, đặc biệt là vào các nước Châu Á, dự kiến sẽ thu hút nhiều FDI. Theo FDI Intelligence, Campuchia dự đoán đứng đầu về sức hấp dẫn đầu tư FDI trong năm 2024 với tăng trưởng đầu tư tài sản cố định đạt 393% và số dự án FDI tăng 110%. Thêm vào đó, dự kiến các vấn đề địa chính trị và xung đột vũ trang gia tăng sẽ dẫn đến việc các quốc gia thắt chặt kiểm soát đầu tư từ các quốc gia không cùng quan điểm chính trị. Mỹ, Canada và EU sẽ siết chặt đầu tư từ

Trung Quốc, Nga và Iran, trong khi Trung Quốc bị hạn chế đầu tư vào lĩnh vực vi điện tử, bán dẫn, AI và công nghệ thông tin lượng tử. Khi đó, các hiệp định thương mại tự do (FTAs) sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư.

Kinh tế của các quốc gia và khu vực lớn trên thế giới:

Trung Quốc

Trong năm 2024, nền kinh tế Trung Quốc đã ghi nhận tín hiệu hồi phục tích cực với mức tăng trưởng GDP đạt khoảng 4,8%, nhờ vào sự gia tăng tiêu dùng trong nước và nâng cao kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, dự đoán từ OECD và Ngân hàng Thế giới cho thấy mức tăng trưởng có thể thấp hơn kỳ vọng, từ 4,6% đến 4,7%, chủ yếu là do tình trạng bất động sản kém và niềm tin tiêu

³ <https://www.kearney.com/service/global-business-policy-council/foreign-direct-investment-confidence-index>.

dùng yếu. Lạm phát có dấu hiệu gia tăng với chỉ số CPI tăng 0,7% vào tháng 2/2024 và giảm phát vẫn còn là thách thức đối với quốc gia này. Tuy nhiên, các nhà kinh tế tại Citigroup trong bản ghi chú ngày 10/3 nhận định rằng, mặc dù lạm phát giá tiêu dùng có xu hướng tăng, nhưng đó chỉ là một biến động tạm thời và không ổn định. Họ nhấn mạnh rằng, để duy trì và củng cố xu hướng tăng giá, các nhà hoạch định chính sách cần phải thực hiện thêm các biện pháp hỗ trợ.

Trong những tháng đầu năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị Trung Quốc duy trì sự ổn định ở mức trung bình là 5,3%, nhưng lao động trẻ đối mặt với khó khăn hơn so với lao động trung niên và nhập cư. Nguyên nhân là do sự chênh lệch giữa số lượng sinh viên tốt nghiệp và việc làm có sẵn, đặc biệt là trong các ngành yêu cầu kỹ năng cao. Hơn nữa, tự động hóa cũng làm giảm số lượng việc làm hiện có, với dự đoán rằng trí tuệ nhân tạo có thể thay thế 26% công việc hiện tại trong vòng hai mươi năm tới (PwC, 2018). Theo báo cáo của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số PMI cho thấy sự phục hồi trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, nhưng các nhà phân tích cảnh báo rằng sự phục hồi có thể chỉ là tạm thời và nền kinh tế có thể gặp khó khăn trở lại vào cuối năm, do các yếu tố toàn cầu và tình trạng khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản.

Nhật Bản

Những tháng cuối năm 2023, nền kinh tế Nhật Bản trải qua giai đoạn suy thoái do nhu cầu nội địa suy giảm. Cụ thể, đầu tư doanh nghiệp giảm 0,3% và tiêu dùng cá nhân giảm 0,2%, dẫn đến GDP giảm 0,4% trong quý IV. Dự báo cho năm 2024, các tổ chức quốc tế đều cho rằng tăng trưởng GDP sẽ khiêm tốn, từ 0,9% đến 1,2%. Thêm vào đó, lạm phát tăng lên 2,8% vào tháng 2/2024, vượt mục tiêu của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản. Nguyên nhân chủ yếu là do cắt giảm trợ cấp nhiên liệu và tăng giá dịch vụ. Dự kiến CPI cơ bản của Nhật Bản sẽ tăng 2,8% so với cùng kỳ trong năm 2023 và tăng 2,7% trong năm 2024 (Kanda và cộng sự, 2024).

Tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 2,6% trong tháng 2, phản ánh áp lực trên thị trường lao động. Sự gia tăng này chủ yếu là do số người tham gia

thị trường lao động tăng và chi phí sinh hoạt gia tăng, trong khi các ngành công nghiệp chủ chốt đã giảm số lượng việc làm. Tình trạng này phản ánh tình trạng suy thoái kinh tế hiện tại, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng yếu, khiến các công ty trở nên thận trọng hơn trong việc tuyển dụng. Hơn nữa, mặc dù chỉ số PMI ngành dịch vụ tăng nhưng lĩnh vực sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự gia tăng trong ngành dịch vụ chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu tăng cao và cải thiện số lượng khách hàng, đặc biệt trong ngành du lịch nội địa.

Khu vực ASEAN

Triển vọng kinh tế ngắn hạn của khu vực ASEAN cho năm 2024 được dự báo sẽ tích cực nhờ vào sự gia tăng nhu cầu nội địa và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), ASEAN dự kiến tăng trưởng 4,7%, trong đó Philippines và Việt Nam sẽ dẫn đầu. Động lực chính cho sự tăng trưởng này bao gồm đầu tư công, chi tiêu tiêu dùng, du lịch quốc tế và phục hồi trong xuất khẩu điện tử, công nghệ. Lạm phát trong khu vực ASEAN dự kiến sẽ giảm so với năm trước, nhờ vào việc thắt chặt chính sách tiền tệ, giảm áp lực lương và các biện pháp kiểm soát giá cả. Tuy nhiên, văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) cảnh báo rằng biến động giá lương thực và năng lượng toàn cầu có thể gây ra đợt tăng giá mới, làm tăng nguy cơ lạm phát cao hơn trong tương lai. Lạm phát chung dự kiến giảm từ 6,3% năm 2023 xuống 3,7% vào năm 2025. Dù vậy, lạm phát ở một số quốc gia có thể vẫn cao hơn mức trung bình dài hạn do nhu cầu trong nước mạnh.

Chỉ số PMI cho thấy sự cải thiện trong ngành sản xuất, đặc biệt ở Singapore và Indonesia. Triển vọng tăng trưởng của ASEAN được kỳ vọng sẽ cải thiện trong năm tới, nhờ vào tiêu dùng cá nhân ổn định, đầu tư cơ sở hạ tầng và gia tăng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thương mại trong khu vực dự kiến sẽ tăng trưởng nhờ sự phát triển của các nền kinh tế lớn như Indonesia và Philippines. Đồng thời, ngành sản xuất điện tử sẽ hưởng lợi từ chuỗi cung ứng tích hợp và các xu hướng công nghệ như mạng 5G, IoT. Sự phục hồi của ngành du lịch cũng sẽ thúc đẩy xuất

khẩu, đặc biệt ở các quốc gia như Thái Lan và Singapore. Thêm vào đó, các hiệp định thương mại như RCEP, CPTPP và AFTA dự kiến sẽ hỗ trợ thêm cho tăng trưởng xuất khẩu khu vực ASEAN.

Hàn Quốc

Nền kinh tế Hàn Quốc dự kiến tăng trưởng 2,2% trong năm 2024, nhờ vào sự phục hồi của ngành công nghiệp chip bán dẫn và sự cải thiện toàn cầu. Mặc dù xuất khẩu dự báo tăng từ 3,8% lên 4,7% nhưng tăng trưởng tiêu dùng lại giảm từ 1,8% xuống 1,7% và đầu tư xây dựng giảm 1,4% (KDI, 2024). Thêm vào đó, lạm phát chung dự báo đạt 2,5%, giảm nhẹ so với dự báo trước đó, trong khi lạm phát cơ bản dự kiến ở mức 2,3%. Sự giảm này do giá dầu ổn định, chính sách tiền tệ thắt chặt và cắt giảm thuế tiêu dùng (KDI, 2024).

Tỷ lệ thất nghiệp ghi nhận xu hướng giảm khi đạt mức 3,7% vào tháng 1 và 3,2% vào tháng 2 năm 2024. Tuy nhiên, tăng trưởng việc làm chủ yếu đến từ nhóm người cao tuổi, trong khi việc làm cho nhóm tuổi 20 và 40 giảm (Statistics Korea, 2024). Chỉ số PMI sản xuất của Hàn Quốc giảm xuống 49,8 điểm vào tháng 3 từ 50,7 điểm vào tháng 2, nhưng dự kiến sẽ được cải thiện và đạt 53 điểm vào cuối quý. Sản lượng và đơn đặt hàng mới ghi nhận sự sụt giảm nhẹ nhưng đơn đặt hàng xuất khẩu tăng tháng thứ ba liên tiếp. Do vậy, triển vọng sản lượng trong 12 tháng vẫn lạc quan (Trading Economics, 2024).

Hoa Kỳ

Dự báo GDP hàng năm của Mỹ trong quý đầu tiên năm 2024 là 2,1%, mặc dù được đánh giá là bền vững hơn nhưng vẫn thấp hơn so với mức 2,5% năm 2023. UN dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ sẽ giảm xuống còn 1,4% trong năm 2024. Thêm vào đó, mức lạm phát tại Mỹ trong quý I năm 2024 duy trì ở mức 3%. Đây là một bước cải thiện đáng kể so với mức đỉnh 8 - 10% nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2%. Fed đã tăng lãi suất lên mức cao nhất trong 23 năm để kiểm soát lạm phát và dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất trước bầu cử tổng thống vào tháng 11, mặc dù việc giảm lãi suất quá sớm có thể gây rủi ro cho nền kinh tế.

Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ duy trì ở mức 3,7% trong tháng 1 và tăng lên 3,9% và 3,8% trong tháng 2 và 3 (Statista, 2024). Số người thất nghiệp dài hạn là 1,2 triệu, chiếm 19,5% tổng số thất nghiệp. Số người làm việc bán thời gian vì lý do kinh tế không thay đổi nhiều. Theo Trading Economics, chỉ số PMI sản xuất của Mỹ tăng từ 50,7 điểm trong tháng 1 lên 52,2 điểm trong tháng 2, rồi giảm xuống 51,9 điểm trong tháng 3. Dự kiến chỉ số này sẽ đạt 51,0 điểm vào cuối quý. Dù tốc độ tăng đơn đặt hàng mới chậm lại và tồn kho bị thu hẹp nhưng các công ty vẫn lạc quan về tăng trưởng sản lượng trong tương lai do kỳ vọng cải thiện điều kiện kinh tế và công suất tăng.

Khu vực đồng Euro

Theo dự báo của Ngân hàng Trung ương Châu Âu, tăng trưởng GDP thực tế của khu vực đồng Euro dự kiến đạt 0,6% trong năm 2024, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước. Sự điều chỉnh này phản ánh môi trường kinh tế trì trệ, với tiêu dùng tư nhân được kỳ vọng sẽ là động lực chính nhờ tăng trưởng thu nhập và cải thiện niềm tin của người tiêu dùng. Theo Eurostat, tỷ lệ lạm phát hàng năm trong khu vực đồng euro giảm xuống 2,6% vào tháng 2 năm 2024, từ 2,8% trong tháng trước. Tại EU, tỷ lệ lạm phát là 2,8%, giảm từ 3,1%. Romania có tỷ lệ lạm phát cao nhất (7,1%), trong khi Đan Mạch và Latvia ghi nhận tỷ lệ thấp nhất (0,6%). Những chỉ số này phản ánh áp lực chi phí giảm dần và tác động từ chính sách tiền tệ của ECB.

Tỷ lệ thất nghiệp điều chỉnh theo mùa tại khu vực đồng euro là 6,5% vào tháng 2 năm 2024, tăng nhẹ so với tháng trước, trong khi tỷ lệ tại EU giữ ở mức 6,0%. Tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất ở Malta (2,6%) và Ba Lan (2,9%), trong khi Tây Ban Nha (11,6%) và Hy Lạp (10,4%) có tỷ lệ cao nhất. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (15-24 tuổi) là 14,5% ở khu vực đồng euro và 14,9% tại EU. Hơn nữa, chỉ số PMI sản xuất tại khu vực đồng euro giảm xuống 46,1 điểm trong tháng 3 từ 46,5 điểm trong tháng 2. Dự đoán của Trading Economics cho thấy PMI sản xuất sẽ đạt 49,0 điểm vào cuối quý này.

4. Cơ hội, thách thức và hàm ý chính sách cho Việt Nam

4.1. Tình hình kinh tế của Việt Nam

Thương mại Việt Nam

Trong năm 2024, thương mại Việt Nam cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ so với cuối năm 2023 và cùng kỳ năm trước, phù hợp với xu hướng hồi phục toàn cầu sau giai đoạn suy giảm kéo dài từ giữa năm 2022 đến cuối năm 2023.

Thương mại hàng hóa ghi nhận tăng trưởng tích cực: xuất khẩu đạt 93,06 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023, trong khi nhập khẩu đạt 84,98 tỷ USD, tăng 13,9%. Nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện có mức tăng trưởng cao nhất, với xuất khẩu tăng 30,3% và nhập khẩu tăng 23,6%. Mặc dù nhập siêu trong nhóm hàng này vẫn cao (8,2 tỷ USD), nhưng ngành xuất khẩu điện thoại và linh kiện, dệt may vẫn duy trì sự tăng trưởng tốt.

Trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại dịch vụ vận tải và du lịch nhìn chung đều tăng trưởng. Cụ thể, dịch vụ du lịch tăng trưởng ấn tượng với xuất khẩu tăng 55,5% và nhập khẩu tăng 29,4%, đạt thặng dư 0,8 tỷ USD. Ngược lại, dịch vụ vận tải chỉ tăng 3,8% về xuất khẩu nhưng lại tăng 22,5% về nhập khẩu, dẫn đến thâm hụt 2,08 tỷ USD. Đồng thời, thâm hụt tổng hợp trong dịch vụ bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu khiến tổng mức thâm hụt thương mại dịch vụ đạt 2,33 tỷ USD.

Về thị trường, xuất khẩu sang Hoa Kỳ và nhập khẩu từ Trung Quốc đều tăng trưởng 26%, trong khi xuất khẩu sang EU và nhập khẩu từ EU cũng ghi nhận mức tăng lần lượt là 16,3% và 17,3%. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu sang Nhật Bản và ASEAN đều có mức tăng trưởng thấp hơn nhưng nhìn chung vẫn tích cực, với Nhật Bản đạt 6,4% và 6,8% còn ASEAN đạt 9,5% và 9,8%.

Đầu tư Việt Nam

Với tình hình khả quan của thị trường chứng khoán toàn cầu quý III/2024, có thể dự báo thị trường tiếp tục tăng trưởng trong quý IV/2024 – thời điểm các hoạt động kinh tế, thương mại diễn ra sôi động nhất trong năm. Trong đó, các ngành công nghệ thông tin, tiêu dùng thiết yếu sẽ thu hút được đầu tư và dẫn dắt chỉ số của thị trường.

Bên cạnh sự lạc quan của bức tranh tổng thể, một số có thể thị trường chưa hồi phục sớm trong quý tới như Trung Quốc, Hồng Kông.

Dòng vốn FDI tiếp tục tăng cao. Việt Nam sẽ tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế. Với tình hình thu hút vốn FDI lạc quan thời gian qua, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng vào sự tăng trưởng dòng vốn FDI trong quý cuối cùng của năm 2024. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực chất bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao ngành điện tử có xu hướng đầu tư nhà máy, mở rộng quy mô sản xuất tại Việt Nam. Đây chính là lĩnh vực giúp Việt Nam hút dòng vốn đầu tư dồi dào từ nước ngoài.

Về lĩnh vực đầu tư, trong số 21 ngành kinh tế, 17 ngành đã thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với gần 3,93 tỷ USD, chiếm 63,6% tổng vốn đầu tư, mặc dù có sự sụt giảm 1,3% so với năm trước. Ngành bất động sản đứng thứ hai với hơn 1,58 tỷ USD, chiếm 25,6%. Các ngành bán buôn bán lẻ và hoạt động chuyên môn cũng thu hút vốn đáng kể, với lần lượt hơn 224,8 triệu USD và gần 190,2 triệu USD.

Về quốc gia đầu tư, Singapore dẫn đầu với 2,55 tỷ USD, chiếm 41,3% tổng vốn đầu tư, tăng 51,3% so với cùng kỳ năm trước. Hồng Kông đứng thứ hai với hơn 1,05 tỷ USD, chiếm 17,1%, gấp gần 2,3 lần so với năm trước. Đặc biệt, nguồn vốn đầu tư từ Singapore và Hồng Kông chủ yếu là đầu tư mới, chiếm lần lượt 89,5% và 79,1% tổng vốn của các quốc gia này. Bên cạnh đó, Trung Quốc và Nhật Bản cũng là các quốc gia đầu tư lớn. Nhìn chung, nguồn vốn FDI vào Việt Nam chủ yếu từ các quốc gia châu Á.

Về địa bàn đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 42 tỉnh, thành phố. Trong đó, Hà Nội dẫn đầu với tổng vốn 970,8 triệu USD, chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư và gấp 6,1 lần so với cùng kỳ năm 2023. Bắc Ninh đứng thứ hai với gần 745,2 triệu USD, chiếm 12,1%. Các tỉnh khác như Quảng Ninh, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh và Đồng Nai cũng là các điểm đến thu hút vốn đầu tư.

Về tình hình đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, quý I/2024 ghi nhận 22 dự án mới với tổng

vốn 28,7 triệu USD, giảm 74,6% so với năm trước; hai dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn điều chỉnh tăng 220 nghìn USD, giảm 96,5%. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đạt 28,9 triệu USD, giảm 75,8% so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Cơ hội, thách thức và hàm ý cho Việt Nam

4.2.1. Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

Từ các chỉ số kinh tế vĩ mô

Dựa trên các chỉ số kinh tế vĩ mô, nền kinh tế toàn cầu đang phục hồi, với mức lạm phát giảm tạo cơ hội cho Việt Nam gia tăng xuất khẩu hàng hóa như may mặc, giày dép, điện tử, đồ gỗ và nông sản chất lượng cao. Việt Nam nên tận dụng xu hướng này để phát triển xuất khẩu và mở rộng thị trường quốc tế. Đồng thời, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy chuyển dịch chuỗi cung ứng từ Trung Quốc đến các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Với lợi thế về vị trí địa lý và lao động giá rẻ, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài và trở thành đối tác cung ứng quan trọng của nhiều quốc gia.

Thêm vào đó, việc tham gia vào các Hiệp định Thương mại Tự do như CPTPP, EVFTA và RCEP đã giúp Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, lạm phát cao và căng thẳng địa chính trị vẫn là những thách thức lớn. Việc giảm nhu cầu nhập khẩu có thể hạn chế cơ hội xuất khẩu của Việt Nam, do đó đặt ra yêu cầu phải đa dạng hóa thị trường và cải thiện chất lượng sản phẩm. Mức lạm phát cao giảm sức mua và nhu cầu tiêu dùng, đòi hỏi chính phủ phải ổn định giá cả và quản lý lạm phát hiệu quả. Đồng thời, căng thẳng địa chính trị có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng nên Việt Nam cần duy trì mối quan hệ đối tác ổn định và đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn.

Thương mại Việt Nam

Về cơ hội, trước hết tăng trưởng thương mại của Việt Nam trong năm 2024, được hỗ trợ bởi sự phục hồi nhu cầu toàn cầu, sẽ là động lực để duy trì tăng trưởng trong các quý tiếp theo. Mặc

dù chỉ số PMI của thị trường xuất khẩu lớn nhất là Hoa Kỳ và của Việt Nam có sự biến động, tín hiệu cuối cùng cho thấy xu hướng phục hồi nhu cầu đang rõ ràng hơn và sẽ tạo cơ hội cho gia tăng thương mại. Tiếp đó, sự ổn định trong các xung đột địa chính trị như Nga - Ukraina và Israel - Hamas, cùng với sự phản đối từ cộng đồng quốc tế và các nước lớn, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự hồi phục kinh tế toàn cầu. Điều này có thể thúc đẩy thương mại Việt Nam, đặc biệt là khi xung đột ở Trung Đông được giải quyết và FTA với Israel có hiệu lực, mở ra cơ hội cải thiện hoạt động thương mại với quốc gia này. Cuối cùng, các doanh nghiệp Việt Nam đã nỗ lực tìm kiếm thị trường mới, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Những nỗ lực này sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh và mở ra cơ hội mới cho thương mại trong năm 2024.

Về thách thức, những vấn đề như căng thẳng tại vùng Vịnh và ách tắc tại kênh đào Panama có thể làm tăng chi phí logistics, dẫn đến giá hàng hóa cao hơn và áp lực lạm phát, buộc các quốc gia phải trì hoãn kế hoạch giảm lãi suất, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và thương mại của Việt Nam. Các xung đột mới như vụ khủng bố ở Nga vào ngày 23/03/2024, có thể làm gia tăng căng thẳng địa chính trị tại Đông Âu, đe dọa sự ổn định thương mại toàn cầu và tác động tiêu cực đến thương mại Việt Nam. Việc gia tăng quy định quản lý xuất khẩu vào EU, bao gồm luật thẩm định chuỗi cung ứng và quy định xanh EU, đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp Việt Nam phải điều chỉnh chuỗi cung ứng để tuân thủ các quy định này. Hiện tại, các doanh nghiệp và cơ quan quản lý Việt Nam đang ngày càng thích ứng tốt hơn với các rào cản thương mại phi thuế quan và đã chuẩn bị các kịch bản dự phòng để ổn định kinh tế vĩ mô, đáp ứng quy định mới và ứng phó với biến đổi khí hậu. Những nỗ lực này sẽ giúp Việt Nam chủ động đối phó với các thách thức thương mại.

Đầu tư Việt Nam

Về cơ hội, theo khảo sát của Kearney năm 2024 cho thấy 88% nhà đầu tư dự định tăng vốn FDI trong ba năm tới, tăng 6% so với năm 2023. Mức độ lạc quan về kinh tế toàn cầu đã tăng nhẹ

lên 64%, trong khi mức độ bị quan giảm còn 29%, cho thấy các thị trường mới nổi như Việt Nam vẫn tiếp tục hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Sự ổn định chính trị của Việt Nam làm tăng khả năng thu hút đầu tư từ các quốc gia khác, đặc biệt khi các chính phủ toàn cầu đang thắt chặt kiểm soát đầu tư theo quốc tịch. Chính sách ngoại giao linh hoạt của Việt Nam giúp thu hút vốn từ các thị trường mới nổi, đặc biệt là khi các nhà đầu tư từ Trung Quốc, Nga, Mỹ, châu Âu và Úc. Bên cạnh đó, Việt Nam đang ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo và năng lượng xanh, phù hợp với xu hướng đầu tư quốc tế. Việc thu hút các dự án công nghệ cao và thân thiện với môi trường sẽ thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn, đồng thời giúp Việt Nam tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Về thách thức, căng thẳng địa chính trị, lạm phát cao và xu hướng ưu tiên đầu tư nội địa từ các quốc gia làm gia tăng sự thận trọng của các nhà đầu tư. Xung đột vũ trang và lạm phát cao dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài, chính phủ các quốc gia tiếp tục có xu hướng giảm thuế và tăng hỗ trợ cho đầu tư nội địa, dẫn đến việc nguồn vốn có thể chuyển hướng khỏi các thị trường nước ngoài. Thêm vào đó, Việt Nam đã tụt hạng trong bảng xếp hạng Chỉ số Tín nhiệm FDI Toàn cầu (FDICI) từ vị trí thứ 13 năm 2023 xuống thứ 18 năm 2024. Sự giảm sút này cho thấy thị trường Việt Nam đã kém hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ba năm tới, trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng giữa các nền kinh tế mới nổi. Cuối cùng, mặc dù Việt Nam có định hướng thu hút đầu tư vào công nghệ cao và các lĩnh vực mới nổi như chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo nhưng cơ chế đầu tư chưa đủ hấp dẫn, môi trường đầu tư còn hạn chế và thủ tục hành chính vẫn còn bất cập, đang là những rào cản đáng kể đối với việc thu hút các dự án này.

Từ bối cảnh bất định toàn cầu

Về cơ hội, việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu mở ra cơ hội cho Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài và mở rộng ngành sản xuất, đặc biệt trong các lĩnh vực giá trị gia tăng cao, từ đó nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Không chỉ vậy, căng thẳng địa chính trị có thể

làm thay đổi các tuyến đường thương mại truyền thống, tạo cơ hội cho Việt Nam trở thành trung tâm logistics quan trọng ở Đông Nam Á, đồng thời thúc đẩy ngành logistics và cảng biển. Mặt khác, sự chuyển dịch toàn cầu sang năng lượng tái tạo và công nghệ cao đang cung cấp cơ hội cho Việt Nam đầu tư vào các lĩnh vực này nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu cũng như phát triển các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Về thách thức, căng thẳng ở Trung Đông và bất ổn toàn cầu có thể gây biến động lớn trong thị trường năng lượng, dẫn đến tăng giá năng lượng và chi phí sản xuất, từ đó tạo áp lực lên nền kinh tế. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị và chiến tranh thương mại, đặc biệt giữa các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc, có thể tiếp tục là rủi ro đáng kể cho thương mại và kinh tế toàn cầu. Do vậy, Việt Nam cần điều chỉnh chiến lược đối ngoại và thương mại để giảm thiểu rủi ro và tận dụng cơ hội. Bên cạnh đó, rủi ro khí hậu, đặc biệt là biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino, đang có ảnh hưởng nghiêm trọng đến Việt Nam với những tác động như hạn hán, lũ lụt, thiệt hại về cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến nông nghiệp, an ninh lương thực và chất lượng sống. Cuối cùng, sự chậm lại của tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt ở các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, có thể làm giảm nhu cầu xuất khẩu và đầu tư vào Việt Nam, đặt ra yêu cầu phải đa dạng hóa thị trường và sản phẩm để duy trì tăng trưởng.

Như vậy, việc tận dụng cơ hội và đối phó với thách thức này yêu cầu Việt Nam có chiến lược linh hoạt và khả năng thích ứng để tối ưu hóa lợi thế và giảm thiểu tác động tiêu cực trong bối cảnh toàn cầu bất định.

4.2.2. Một số hàm ý cho Việt Nam

Về thương mại, nền kinh tế Việt Nam, vốn có độ mở cao sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến toàn cầu. Mặc dù có dấu hiệu phục hồi từ kinh tế thế giới nhưng điều này chưa đủ để khẳng định nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn và trở lại xu hướng tăng trưởng trước đại dịch COVID-19. Các yếu tố như căng thẳng địa chính trị chưa được giải quyết, áp lực về việc cắt giảm ô nhiễm môi trường và xu hướng bảo hộ

thương mại đang gia tăng có thể cản trở sự phục hồi của thương mại toàn cầu và Việt Nam. Để duy trì đà phục hồi, Việt Nam cần cân trọng trong việc nhận diện và điều chỉnh chính sách phù hợp với các vấn đề mới, tiếp tục theo đuổi chính sách thương mại bền vững và đổi mới công nghệ, đồng thời linh hoạt trong điều hành chính sách tài khoá và tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Về đầu tư, Việt Nam cần sớm rà soát và điều chỉnh quy định đối với các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ cao, thân thiện với môi trường và các ngành mới nổi như chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, theo hướng cởi mở hơn để thu hút nhà đầu tư tiềm năng. Đồng thời, việc cải thiện chỉ số tín nhiệm FDI toàn cầu là cần thiết. Điều này có thể đạt được bằng cách học hỏi từ các nước lân cận và điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư để làm cho Việt Nam hấp dẫn hơn. Bên cạnh đó, kiểm soát lạm phát và duy trì tăng trưởng kinh tế sẽ giúp ổn định chính sách ngoại giao, từ đó góp phần gia tăng sức hút đầu tư vào Việt Nam.

Để tận dụng cơ hội và giảm thiểu thách thức từ biến động toàn cầu, Việt Nam cần triển khai một số giải pháp quan trọng. Đầu tiên, việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng có thể được thúc đẩy thông qua việc cung cấp ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở hạ tầng sản xuất và logistics, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng sạch. Thứ hai, nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông là thiết yếu để cải thiện hiệu quả giao thương và tăng cường kết nối quốc gia. Đầu tư vào hệ thống đường bộ, đường sắt, cảng biển và các trung tâm logistics chiến lược sẽ giúp giảm tắc nghẽn và tối ưu hóa quá trình vận chuyển hàng hóa. Thứ ba, khuyến khích đổi mới và áp dụng công nghệ xanh, bao gồm trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo để thúc đẩy nền kinh tế xanh và bền vững. Chính phủ cần phát triển các chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp công nghệ xanh. Thứ tư, xây dựng chiến lược an ninh năng lượng đa dạng để giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu và tăng cường sự ổn định năng lượng quốc gia, đặc biệt là thông qua phát triển năng lượng tái tạo và các dự án lưu trữ năng lượng. Thứ năm, Việt Nam

cần chủ động trong chính sách đối ngoại và thương mại, đa dạng hóa đối tác thương mại và tận dụng các hiệp định thương mại tự do để nâng cao vị thế quốc tế và mở rộng quyền truy cập vào thị trường toàn cầu. Cuối cùng, phát triển kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên sẽ giúp Việt Nam đối phó hiệu quả với các thách thức môi trường, bảo vệ tài sản và phát triển bền vững.

Lời cảm ơn

Đây là kết quả nghiên cứu của Đề tài KT.23.34.

Tài liệu tham khảo

- [1] AMRO, ASEAN+3 Macroeconomic Research Office, ASEAN+3 Regional Economic Outlook 2024: Navigating Tomorrow, https://amro-asia.org/wp-content/uploads/2024/04/AMRO-AREO-2024-4Apr_Full-report.pdf, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [2] Ministry of Planning and Investment, Foreign Investment Attraction Situation In The First 3 Months of 2024, <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-3-26/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-3-thang-dau-nau814oz.aspx>, (accessed on: September 26th, 2024).
- [3] Ministry of Commerce and Industry of India, PIB Release, <https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2006282#:~:text=Merchandise%20exports%20in%20January%202024,52.83%20Billion%20in%20January%202023>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [4] Ministry of Commerce and Industry of India, PIB Release, PIB Release, <https://commerce.gov.in/wp-content/uploads/2024/03/PIB-Release.pdf>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [5] Ministry of Commerce and Industry of India, PIB Release, Quick Estimates for Selected Major Commodities for February 2024, <https://commerce.gov.in/wp-content/uploads/2024/03/Quick-Estimates-February-2024.pdf>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [6] B. Ian, K. Cliff, Top Risks for 2024, Eurasia Group, <https://www.eurasiagroup.net/issues/top->

- risks-2024, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [7] China Central Administration of Foreign Exchange, Data on International Trade in Goods and Services of China in January 2024, <https://www.safe.gov.cn/en/2024/0229/2179.html>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [8] China Central Administration of Foreign Exchange, Data on International Trade in Goods and Services of China in February 2024, <https://www.safe.gov.cn/en/2024/0329/2190.html>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [9] US Bureau of Economic Analysis (2024), U.S. International Trade in Goods and Services, February 2024, <https://www.bea.gov/news/2024/us-international-trade-goods-and-services-february-2024>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [10] Eurasia Group, The Top Risks of 2024. Eurasia Group, <https://www.eurasiagroup.net/issues/top-risks-2024>, 2024 (accessed on: October 12th, 2024).
- [11] Euromonitor, Global economic forecasts 2024 Outlook: Q1 Update, <https://lp.euromonitor.com/white-paper/global-economic-forecasts-q1-2024/>, (accessed on: September 26th, 2024).
- [12] Euromonitor International, Global risk report 2024, <https://www.euromonitor.com/global-risk-report-2024>, (accessed on: September 26th, 2024).
- [13] Euromonitor International, Quarterly Economic Outlook: Q1 2024, <https://www.euromonitor.com/article/global-economic-outlook-q1-2024>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [14] Euromonitor International, Global Economic Outlook: Q3, 2024, <https://www.euromonitor.com/article/global-economic-outlook-q3-2024?ite=63674&ito=491&itq=194a8426-ddd9-4f2e-ae0a-79a10f584807&itx%5Bidio%5D=9054473>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [15] FDI Intelligence, Cambodia Carries the Strongest FDI Momentum Into 2024, <https://www.fdiintelligence.com/content/News/cambodia-carries-the-strongest-fdi-momentum-into-2024-83236>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [16] I. Matteo, Geopolitical Risk Index, <https://www.matteoiacoviello.com/gpr.htm>, 2024, (accessed on: September 26th, 2024).
- [17] K. Keji, K. Shotaro, T. Munehisa, K. Kazuma, N. Kanako, Japan's Economy: Monthly Outlook, The Daiwa Institute of Research, https://www.dir.co.jp/english/research/report/jmonthly/20240308_024290.html, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [18] KDI Economic Outlook – Update, <https://www.kdi.re.kr/eng/research/economy>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [19] Lazard asset Management, Top Geopolitical Trends in 2024, https://www.lazardassetmanagement.com/docs/-m0-/214599/Lazard_TopGeopoliticalTrendsIn2024_202401.pdf, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [20] National Bureau of Statistics of China, Purchasing Managers' Index for February 2024, https://www.stats.gov.cn/english/PressRelease/202403/t20240305_1948112.html, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [21] OECD Library, OECD Economic Outlook: Volume 2024, https://www.oecd-ilibrary.org/economics/oecd-economic-outlook/volume-2024/issue-1_69a0c310-en, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [22] PwC, Will Robots Really Steal Our Jobs? An International Analysis of the Potential Long Term Impact of Automation, https://www.pwc.com/hu/hu/kiadvanyok/assets/pdf/impact_of_automation_on_jobs.pdf, 2018 (accessed on: September 26th, 2024).
- [23] RBC Global Asset Management, Global Investment Outlook: Summer 2024, https://institutional.rbcgam.com/dA/981b4baecb/Global%20Investment%20Outlook_Summer_2024_EN.pdf?language_id=1, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [24] S&P Global Market Intelligence, ASEAN Economic Outlook in 2024, <https://www.spglobal.com/marketintelligence/en/mi/research-analysis/asean-economic-outlook-in-2024-Jan24.html>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [25] Statista, Monthly Unemployment Rate in the United States from March 2022 to March 2024 (seasonally-adjusted), <https://www.statista.com/statistics/273909/seasonally-adjusted-monthly-unemployment-rate-in-the-us/>, 2024 ((accessed on: September 26th, 2024).
- [26] Statistics Korea, Economically Active Population Survey in January 2024, https://kostat.go.kr/board.es?mid=a20101000000&bid=11732&list_no=429442&act=view&mainXml=Y, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).

- [27] General Statistics Office, Overview of the Forecast for the World Economic Situation in the First Quarter and the Whole Year of 2024, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/03/bao-cau-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2024/>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024) (in Vietnamese).
- [28] General Statistics Office, Socio-Economic Situation Report, Quarter 1, 2024, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/03/bao-cau-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2024/>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024) (in Vietnamese).
- [29] Trading Economics, South Korea Manufacturing PMI, <https://tradingeconomics.com/south-korea/manufacturing-pmi>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [30] UNCTAD, Global Trade Update, <https://unctad.org/publication/global-trade-update-march-2024>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [31] United Nations Department of Economic and Social Affairs, World Economic Situation And Prospects: Mid -2024, <https://desapublications.un.org/publications/world-economic-situation-and-prospects-mid-2024>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [32] WEF (World Economic Forum), The Global Risk Report 2024, <https://www.weforum.org/publications/global-risks-report-2024>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [33] WEF, 5 Top Global Trade Stories of 2024, <https://www.weforum.org/stories/2024/12/must-read-stories-trade-2024/#:~:text=A%20December%20report%20from%20the,%25%2C%20still%20below%202022%20levels>, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).
- [34] WTO, Goods Barometer Continues to Signal Weak Upward Momentum in Trade, https://www.wto.org/english/news_e/news24_e/wt oi_08mar24_e.htm, 2024 (accessed on: September 26th, 2024).